

Bản án số: 35 /2017/HSST

Ngày 11/7/2017

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH OAI

Với thành phần hội Đ xét xử gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Phan Quốc Quân.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Lê Huy Trọng

Bà Nguyễn Thị Tích.

Thư ký toà án ghi biên bản phiên toà: Ông Đỗ Văn Thường.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện Thanh Oai tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Bích Nguyệt – Kiểm sát viên.

Mở phiên toà công khai tại Tòa án nhân dân huyện Thanh Oai vào hồi 14 giờ 00 ngày 11 tháng 7 năm 2017, xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 24/2017/HSST ngày 03/5/2017, đối với bị cáo:

Đặng V S Tên gọi khác: không Sinh năm: 1994

Nơi ĐKKHKT: Đội 15, xã G Y, huyện G Th, tỉnh N

Quốc tịch: Việt Nam, Dân tộc: Kinh, Tôn giáo: Không.

Nghề nghiệp: Lao động tự do. Trình độ học vấn: 9/12

Họ và tên bố : Đặng V L Sinh năm: 1966

Họ và tên mẹ : Phạm thị B Sinh năm: 1971

Gia đình có 3 anh em, bị can là con thứ 2

Họ và tên vợ: Nguyễn thị X Sinh năm : 1994

Tiền án, tiền sự : Không.

Bị cáo hiện tại ngoại tại xã G Y, huyện G Th, tỉnh N - Có mặt tại phiên toà.

NHẬN THẤY

Viện kiểm sát nhân dân huyện Th.O truy tố bị cáo về hành vi phạm tội sau: Do cần tiền nên Trần thị H sinh năm 1995, ở Đội 3, thôn T Ph, xã Đ Ph, huyện C M, thành phố H nảy sinh ý định làm giả “Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất” (CGN QSD đất) để lừa lấy tiền tiêu sài. Ngày 16/7/2016 thông qua mạng Facebook, H biết nick mang tên “Th B” của Đặng V S, số điện thoại

098.175.5310 đăng tin nhận làm giả các loại giấy tờ theo yêu cầu, nên H đã gọi điện thoại cho S đặt làm 01” Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất”. S thỏa thuận với H giá 5.000.000 Đ , H Đ ý và gửi cho S thông tin về mảnh đất cần làm, chứng minh thư của H , sau đó S liên hệ với một người tên là H1 có số đuôi điện thoại “676” trên mạng xã hội đặt làm GCN QSD đất giả với giá 4.700.000 Đ . Khoảng 16 giờ ngày 17/7/2016 H1 điện thoại hẹn gặp S ở đầu ngõ 234 đường H Q V, phường P Th, quận T H , thành phố H để giao GCN QSD đất giả, S đi bộ một mình từ nhà trọ ở số nhà 8A, ngách 40, ngõ 643 đường P V Đ, phường C N, quận B T L, thành phố H ra chỗ hẹn và nhận GCN QSD đất giả từ một người nam giới đi xe ôm không biết tên, địa chỉ, S đưa cho người xe ôm 4.700.000đ rồi đi về phòng trọ điện thoại cho H báo đã làm xong. H hẹn S đến phòng trọ của mình ở phòng 405, nhà số 2, ngõ 4 đường A D V, phường P Th, quận T H, thành phố H, tại đây S đã giao cho HGCN QSD đất giả, H đưa cho S 5.000.000Đ .

Sau khi có GCN QSD đất giả H nhờ Nguyễn X H2 sinh năm 1991 trú tại thôn Tr, xã C V, huyện Th.O , thành phố H (là bạn xã hội) dẫn đi cầm cố GCN QSD đất này để lấy tiền. H2 liên hệ với Nguyễn V Đ (tên gọi khác: Ch1) sinh năm 1985 ở thôn Đ V, xã C V, huyện Th.O hỏi có nhận cầm cố GCN QSD đất không, anh Đ nhận lời và hẹn gặp H2, H ở khu vực L Đ, Thành phố H, do H mang thiếu một số giấy tờ nên anh Đ hẹn H ngày 19/7/2016 mang giấy tờ về huyện Th.O cho Đ .

Ngày 19/7/2017 H cùng H2 về xã Đ P, huyện Ch M, thành phố H, H mượn anh Trần V T (anh trai H) sổ hộ khẩu để hoàn thiện thủ tục bán đất, sau đó H và H2 đến thị trấn K B, huyện Th.O gặp anh Đ như đã hẹn trước. H đưa “giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất” cho Đ, Đ nhờ ông Nguyễn Đ H3 sinh năm 1959 trú tại Tổ 3, thị trấn Kim Bài, huyện Thanh Oai (là ông họ của Đ) để nhờ xem giấy tờ. Tại đây ông H3 phát hiện giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất mang tên Trần thị H bị sai lệch giữa diện tích đất bằng số và bằng chữ nên yêu cầu cung cấp GCN QSD đất đúng; Quyết định cấp GCN QSD đất và giấy tờ mua bán với chủ cũ để làm thủ tục chuyển nhượng đất. H để lại GCN QSD đất tại nhà ông H3 rồi đi về điện thoại cho S yêu cầu làm lại GCN QSD đất đúng diện tích bằng số và bằng chữ. S Đ ý và điện thoại cho H1 làm lại GCN QSD đất, đến 19 giờ ngày 19/7/2016 H1 thông báo cho S ra đầu ngõ 234 H Q V để nhận GCN QSD đất làm lại. Sau khi nhận GCN QSD đất làm lại, S giao cho HGCN QSD đất, việc làm lại này H không phải trả tiền. Lúc này H tiếp tục đặt S làm thêm 01 Quyết định cấp GCN QSD đất và 01 Bản sao H3 Đ nguyên tắc mua bán chuyển nhượng bất động sản với giá 8.000.000 Đ , S

Đ ý và điện thoại cho H1 làm 02 loại giấy tờ theo yêu cầu của H với giá 7.400.000 Đ . Khoảng 12 giờ ngày 20/7/2016 H1 thông báo cho S đã làm xong và bảo S ra đầu đường H Q V để lấy giấy tờ, tại đây S nhận giấy tờ giả từ một người xe ôm không biết tên địa chỉ và đưa cho người này 7.400.000 Đ như đã thỏa thuận, sau đó S đi về phòng trọ rủ Nguyễn K Tr sinh năm 1997, HKTT: Đội 14, xã Gi Y, huyện Gi Th, tỉnh N là người ở trọ cùng S đi ra đầu ngõ 234 đường H Q V uống nước, Tr Đ ý đi cùng, S điện thoại cho H đến cổng trường Đại học Đ để giao dịch, một lúc sau H đi taxi đến, S lên xe taxi đưa cho H 02 tờ giấy mà H đặt hôm trước, H trả cho S 7.000.000 Đ , nợ lại S 1.000.000Đ . Đến chiều cùng ngày H cùng H2 đến xã T C, huyện Th.O gặp Đ , tại đây H nói với Đ cần tiền chi phí việc công chứng giấy tờ và yêu cầu Đ đưa vài chục triệu Đ , Đ đưa cho H 5.000.000đồng , sau đó H cùng H2 và Đ đến nhà ông H3 để làm thủ tục chuyển nhượng đất. H đưa GCN QSD đất làm lại ra thì ông H3 xé GCN QSD đất bị sai làm 6 mảnh, sau đó H cùng ông H3 , Đ , H2 đi xem mảnh đất tại phường L Kh, quận H Đ rồi đến văn phòng công chứng số 7 quận H Đ – Thành phố H để công chứng giấy tờ, tại đây công chứng viên cho biết giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của H là giả nên H cùng H2, Đ , ông H3 đi về quán nước ở khu vực xã K T, huyện Th.O, thành phố H thì bị cơ quan công an kiểm tra hành chính phát hiện, thu giữ giấy tờ nghi giả.

Vật chứng thu giữ gồm: 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cùng chung số CB508719 cấp cho Trần Thị H , trong đó có 01 bản bị xé làm 06 mảnh; 01 giấy chứng minh thư nhân dân số 001195003621 mang tên Trần Thị H ; 01 quyền sở hộ khẩu số 240934358 tên chủ hộ Trần V T; 01 bản sao hợp đồng nguyên tắc mua bán chuyển nhượng bất động sản; 01 quyết định về việc cấp GCN QSD đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số 992 QĐ/UBND; 01 điện thoại SAMSUNG Galaxy S6 màu đồng số IMEI1: 353124070607925; số IMEI2: 353124070607922.

Tại bản kết luận giám định số 3503/C54-P5 ngày 12/9/2016 của Viện khoa học hình sự Bộ Công an kết luận: 02 giấy CNQSDĐ mang tên Trần thị H là giả.

Cáo trạng số 24/KSĐT- KT ngày 26/4/2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Th.O truy tố Đặng V S về tội “Làm giả tài liệu,con dấu của cơ quan tổ chức” theo khoản 2 điều 267 BLHS.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát huyện Thanh Oai đề nghị HĐXX áp dụng điểm b,p khoản 1,khoản 2 Điều 46, điểm b khoản 2 điều 267, Điều 60 BLHS xử phạt Đặng V S từ 30 đến 36 tháng tù nhưng cho hưởng án treo,thời gian thử thách 60 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Tịch thu tiêu hủy số vật chứng đã thu giữ.

Sung công quỹ nhà nước số tiền 300.000đ bị cáo thu lời bất chính;(bị cáo đã tự nguyện khắc phục hậu quả nộp lại số tiền trên theo biên lai thu số A A/2012/04098 ngày 30 tháng 6 năm 2017). Tịch thu quỹ điện thoại sam sung thu giữ của Trần Thị H ; Trả lại Trần thị H giấy chứng minh nhân dân đã thu giữ.

Áp dụng khoản 5 điều 267 phạt bổ sung 5-7 triệu Đ .

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu được thẩm tra tại phiên toà; căn cứ vào kết quả tranh luận và trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

XÉT THẤY

Tại phiên toà hôm nay, bị cáo Đặng V S đã khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với cáo trạng, lời khai của người làm chứng cùng các tài liệu, chứng cứ phản ánh trong hồ sơ vụ án. Bị cáo thừa nhận, do cần tiền tiêu sài nên đã đăng thông tin cá nhân trên mạng xã hội nhận làm giả các loại giấy tờ theo yêu cầu. Bị cáo đã nhận lời và làm giả Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất và 01 quyết định về việc cấp GCN QSD đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho Trần Thị H .Lần thứ nhất làm giả Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bị sai lệch giữa diện tích đất bằng số và bằng chữ nên H đã yêu cầu S làm lại GCN QSDĐ khác cho đúng; Sau đó S đã làm lại 01 GCNQSDĐ khác cho H . Khi H mang đi để chuyển nhượng đất cho người khác thì bị phát hiện Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất là giả.

Như vậy hành vi của bị cáo S đăng tin trên mạng xã hội làm giấy tờ giả các loại sau đó nhờ người làm giả 02 giấy CNQSDĐ và 01 quyết định về việc cấp GCN QSD đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho người khác đã cấu thành tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan tổ chức” theo khoản 2 điều 267 BLHS.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trật tự quản lý hành chính, xâm phạm hoạt động bình thường và uy tín của cơ quan nhà nước, gây mất trật tự an toàn xã hội trên địa bàn nên phải xử lý nghiêm bằng pháp luật hình sự, để giáo dục bị cáo và răn đe người khác.

Bị cáo có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự. Tuy nhiên HĐXX xét bị cáo có nhân thân tốt, quá trình điều tra và tại phiên tòa thật thà khai báo, ăn năn hối cải; sau khi bị phát hiện đã ra đầu thú, gia đình bị cáo có công trong cuộc kháng chiến và được nhà nước ghi nhận; Mặt khác bị cáo đã tự nguyện sửa chữa nộp lại số tiền thu lời bất chính; Đây là các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b,p khoản 1,khoản 2 điều 46 Bộ luật hình sự cần áp dụng cho bị cáo. Xét thấy xử phạt các bị cáo hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo cũng đủ tác dụng dẫn dắt giáo dục, để bị cáo thấy sự khoan hồng của pháp luật nhà nước mà quyết tâm cải tạo thành người có ích cho xã hội.

Đối với Trần thị H đã bỏ trốn khỏi địa phương, không rõ đang ở đâu. Ngày 05/01/2016 Cơ quan CSĐT đã ra quyết định truy nã bị can H . Ngày 04/4/2017 ra Quyết định tách vụ án; Quyết định tách rút tài liệu; Quyết định tạm đình chỉ điều tra vụ án, bị can đối với H , khi nào bắt được sẽ xử lý sau. Nên Tòa không xét trong vụ án này.

Đối với Nguyễn K Tr là người làm thuê cho Đặng V S nhưng Tr không giúp S trong việc làm giấy tờ giả, không được hưởng lợi gì trong việc S làm giấy tờ giả nên Tr không phạm tội, cơ quan điều tra không đề cập xử lý là có căn cứ.

Đối với Nguyễn X H2 là người giúp H giao dịch mua bán đất với Nguyễn Văn Đ , tuy nhiên H2 không biết việc giấy tờ của H là giả nên H2 không phạm tội, cơ quan điều tra không đề cập xử lý là có căn cứ.

Đối với người tên H2, S khai H1 nhận làm giấy tờ giả cho S và người xe ôm đưa giấy tờ giả cho S, ngoài lời khai của S, không có tài liệu nào khác thể hiện việc H1 làm giấy tờ giả cho S, bản thân S không biết lai lịch, địa chỉ cụ thể của H1 và người xe ôm nên không có cơ sở để xử lý.

Đối với quyền sở hữu khẩu số 240934358 mang tên chủ hộ Trần V T là anh trai của H , Anh T không biết việc H làm giả giấy tờ để mua bán đất nên cơ quan điều tra đã trả lại sổ hộ khẩu cho anh T là có căn cứ.

Về vật chứng: Quá trình điều tra Công an thu giữ:

02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cùng chung số CB508719 cấp cho Trần Thị H , trong đó có 01 bản bị xé làm 06 mảnh; 01 giấy chứng minh thư nhân dân số 001195003621 mang tên Trần Thị H ; 01 quyền sở hữu khẩu số 240934358 tên chủ hộ Trần V T; 01 bản sao hợp đồng nguyên tắc mua bán chuyển nhượng bất động sản; 01 quyết định về việc cấp GCN QSD đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số 992 QĐ/UBND; 01 điện thoại SAMSUNG Galaxy S6 màu đồng số IMEI1: 353124070607925; số IMEI2: 353124070607922.

Đây là 02 Giấy CNQSDĐ ,01 quyết định về việc cấp GCN QSD đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất được làm giả và 01 bản sao hợp đồng nguyên tắc mua bán chuyển nhượng bất động sản không có giá trị sử dụng nhưng hiện tại còn đang lưu giữ trong hồ sơ vì vậy để kèm theo hồ sơ vụ án.

Đối với chiếc điện thoại SAM SUNG thu giữ của Trần thị H và số tiền 300.000 đồng bị cáo S thu lời bất chính cần tịch thu sung quỹ nhà nước.

Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo qui định pháp luật.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố: Bị cáo Đặng V S phạm tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan tổ chức”.

Áp dụng điểm b,p khoản 1, khoản 2 điều 46,điểm b khoản 2 điều 267,Điều 60 Bộ luật hình sự

Xử phạt: Đặng V S 36 (Ba mươi sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo; thời gian thử thách là 60 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo Đặng V S cho Ủy ban nhân dân xã Gi Y,huyện Gi Th,tỉnh N giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

2. Về vật chứng: Áp dụng điều 41 Bộ luật hình sự, điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự:

Tịch thu sung quỹ nhà nước : 300.000(Ba trăm nghìn) đồng bị cáo S thu lời bất chính (Bị cáo đã tự nguyện khắc phục hậu quả nộp lại số tiền trên theo biên lai thu số A A/2012/ 04098 ngày 30 tháng 6 năm 2017) tại Chi cục Thi hành án huyện Th.O ,Thành phố H; 01 điện thoại Sam Sung Galaxy S6 màu đồng số IMEI1: 353124070607925; số IMEI2: 353124070607922 thu giữ của Trần Thị H ;

Trả lại Trần thị H giấy chứng minh nhân dân mang tên Trần thị H theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 06 tháng 6 năm 2017 giữa Công an huyện Th.O và Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Th.O

Áp dụng khoản 4 điều 267 phạt bổ sung bị cáo Đặng V S: 05(Năm) triệu đồng .

3. Về án phí: Bị cáo Đặng V S phải nộp 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Án xử sơ thẩm bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND huyện Thanh Oai;
- Chi cục THA huyện Thanh Oai;
- Công an huyện Thanh Oai;
- Bị cáo;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

PHAN QUỐC QUÂN

HỘI Đ XÉT XỬ SƠ THẨM

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

- Lru HS + VT.

